

Số: /HD-SGTVT

Hà Tĩnh, ngày tháng 12 năm 2022

## HƯỚNG DẪN

### Thực hiện tiêu chí Giao thông trong xây dựng NTM cấp xã, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025

Căn cứ Hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ GTVT về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí về Giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM, huyện NTM nâng cao giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025, Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025.

Theo chức năng, nhiệm vụ, Sở GTVT ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí Giao thông cụ thể như sau:

- Đối với tiêu chí giao thông xã NTM: kèm theo Phụ lục 01.
- Đối với tiêu chí giao thông xã NTM nâng cao: kèm theo Phụ lục 02.
- Đối với tiêu chí giao thông huyện NTM: kèm theo Phụ lục 03.
- Đối với tiêu chí giao thông huyện NTM nâng cao: kèm theo Phụ lục 04.

Trên cơ sở hướng dẫn này, kính đề nghị UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn cấp huyện, UBND các xã triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị có ý kiến phản hồi về Sở GTVT để được nghiên cứu xem xét, sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn./.

**Nơi nhận:**

- Bộ GTVT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Sở NN và PTNT;
- VP NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, KH<sub>3</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Văn Trung**

## PHỤ LỤC 01

### Hướng dẫn tiêu chí Giao thông trong Bộ tiêu chí xã NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025

(Kèm theo Hướng dẫn số            /HD-SGTVT ngày            12/2022 của Sở GTVT)

#### I. YÊU CẦU TIÊU CHÍ

Theo Phụ lục I kèm theo Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh, tiêu chí Giao thông thuộc Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2022-2025 quy định như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm <sup>(1)</sup>	100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm <sup>(2)</sup>	100%
		2.3. Đường ngõ xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm <sup>(3)</sup>	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm <sup>(4)</sup>	Đạt
		2.5. Tỷ lệ đường trục xã và trục thôn, bản trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước hai bên đường	≥70%
		2.6. Tỷ lệ đường trục xã có trồng cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được)	100%
	<b>Ghi chú:</b> <i>(1) 100% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m. Đối với đường trục chính từ trung tâm hành chính xã và đường trục xã làm mới yêu cầu nền đường tối thiểu 7,5m, mặt đường tối thiểu 5,5m; riêng đối với các tuyến đường trục xã qua trung tâm hành chính xã được đầu tư xây dựng theo giai đoạn trước quy định này thì yêu cầu chiều rộng mặt đường tối thiểu 5,0m.</i> <i>(2) Tối thiểu 70% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 5m, mặt đường tối thiểu 3,5m (trường hợp bất khả kháng mặt đường rộng tối thiểu 3,0m); phần còn lại phải được cứng hóa (bằng cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi,... được lu lèn)...</i> <i>(3) Tối thiểu 70% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 5m, mặt đường tối thiểu 3m (trường hợp bất khả kháng 2,5m); phần còn lại phải được cứng hóa (bằng cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi,... được lu lèn)</i> <i>(4) Tối thiểu 70% được cứng hóa, đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 5m, mặt đường tối thiểu 3m.</i>		

#### II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

**1. Đối với tiêu chí: Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (Tiêu chí 2.1)**

100% tuyến đường trục xã, liên xã (sau đây gọi là đường xã) nằm trong quy hoạch chung xây dựng xã phải được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn, trong đó:

- Đối với các tuyến đường xã thông thường có quy mô nền mặt đường tối thiểu  $B_{\text{nền}} = 6,5\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$ , chất lượng mặt đường còn tốt, đảm bảo cho phương tiện giao thông đi lại thuận lợi thì được đánh giá là đạt chuẩn.

- Đối với đường trục chính từ trung tâm hành chính xã và đường trục xã làm mới hoặc nâng cấp, mở rộng từ năm 2023 trở về sau phải đảm bảo quy mô nền mặt đường tối thiểu  $B_{\text{nền}} = 7,5\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$  được đánh giá là đạt chuẩn. Ngoài đảm bảo quy mô về nền mặt đường, các yếu tố hình học cơ bản khác (như bán kính đường cong nằm, cong đứng, độ dốc dọc tối đa...) phải đạt theo tiêu chuẩn cấp đường.

- Một số trường hợp bất khả kháng hoặc đặc thù được xem xét đánh giá như sau: Các tuyến đường xã làm mới hoặc nâng cấp đã được phê duyệt đầu tư nhưng có quy mô  $B_{\text{nền}} = 6,5\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 5,0\text{m}$  (hoặc  $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$ ), về nguyên tắc phải đảm bảo quy định tối thiểu  $B_{\text{nền}} = 7,5\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$ ; tuy nhiên, trong trường hợp dự án đã được phê duyệt và đã có quyết định bố trí nguồn vốn hoặc chưa thể GPMB trong giai đoạn hiện tại thì chấp nhận đầu tư xây dựng với quy mô tối thiểu  $B_{\text{nền}} = 6,5\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 5,0\text{m}$  (hoặc  $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$ ) nhưng phải cấm mốc quy hoạch với phạm vi nền đường rộng tối thiểu 7,5m để sau này mở rộng.

## **2. Đối với tiêu chí: Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (Tiêu chí 2.2)**

- Tối thiểu 70% tuyến đường trục thôn, liên thôn nằm trong quy hoạch chung xây dựng xã phải được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo quy mô nền mặt đường tối thiểu  $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$ . Các tuyến đường trục thôn, liên thôn theo quy hoạch còn lại phải được cứng hóa (bằng cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi,... được lu lèn) với  $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$  đảm bảo cho phương tiện giao thông đi lại thuận lợi quanh năm.

- Một số trường hợp đặc thù được xem xét đánh giá như sau:

+ Các tuyến đường trục thôn đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa mặt đường rộng từ 3,0÷3,5m, chất lượng mặt đường còn tốt, nền đường rộng  $\geq 5,0\text{m}$ , lề đường đảm bảo yêu cầu, thoát nước tốt, sạch sẽ được chấm chước đánh giá đạt.

+ Trường hợp bất khả kháng<sup>1</sup>: Tuyến đường đi qua nhiều nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào kiên cố không thể GPMB được thì yêu cầu phải đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 3,0m, hai bên lề đường đảm bảo mặt đường không bị xói lở, có bố trí các điểm tránh xe ô tô<sup>2</sup> với khoảng cách tối thiểu 300m/điểm.

## **3. Tiêu chí: Đường ngõ xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm (Tiêu chí 2.3)**

- Tối thiểu 70% tuyến đường ngõ xóm nằm trong quy hoạch chung xây dựng xã phải được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo quy mô nền mặt đường tối thiểu

<sup>1</sup> Đối với trường hợp bất khả kháng chỉ được tính khi đã có sự chỉ đạo và tìm mọi giải pháp nhưng vẫn không thực hiện được thì được chấp thuận theo kết luận của Hội đồng thẩm định gồm đại diện Sở chuyên ngành phụ trách tiêu chí, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh và UBND huyện (áp dụng cả trường hợp đường trục thôn, ngõ xóm).

<sup>2</sup> Điểm tránh xe ô tô: Chiều rộng nền đường chỗ tránh xe mở thêm từ 2÷3m, chiều dài đoạn tránh xe 10÷15 m kê cả đoạn vuốt nổi theo hướng dẫn tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ GTVT (áp dụng cả trường hợp đường trục thôn, ngõ xóm, đường trục chính nội đồng).

$B_{\text{nền}} = 5,0\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m}$ . Các tuyến đường ngõ, xóm còn lại phải được cứng hóa với  $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m}$  (bằng cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi, ... được lu lèn) đảm bảo cho phương tiện giao thông đi lại thuận lợi; tất cả các tuyến đường ngõ, xóm phải thoát nước tốt để đảm bảo sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa.

- Một số trường hợp đặc thù:

+ Các tuyến đường ngõ, xóm đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, mặt đường rộng từ 2,5m đến 3,0m, chất lượng mặt đường còn rất tốt, nền đường rộng  $\geq 4,0\text{m}$ , lề đường đảm bảo yêu cầu, thoát nước tốt, sạch sẽ.

+ Trường hợp bất khả kháng: Tuyến đường đi qua nhiều nhà cửa, vật kiến trúc không thể GPMB được thì yêu cầu phải đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 2,5m, hai bên lề đường đảm bảo mặt đường không bị xói lở, có bố trí các điểm tránh xe ô tô với khoảng cách tối thiểu 300m/điểm.

#### **4. Tiêu chí: Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm (Tiêu chí 2.4)**

- Tối thiểu 70% tuyến đường trục chính nội đồng nằm trong quy hoạch chung xây dựng xã phải được cứng hóa đảm bảo quy mô nền mặt đường tối thiểu  $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m}$ , xe cơ giới đi lại thuận lợi.

- Một số trường hợp đặc thù: Các tuyến đường trục chính nội đồng đã được cứng hóa với quy mô tối thiểu  $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m}$ , lề đường đảm bảo yêu cầu, có bố trí điểm tránh xe với khoảng cách trung bình tối thiểu 300m/điểm.

#### **5. Tiêu chí: Tỷ lệ đường trục xã và trục thôn, bản trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước hai bên đường (Tiêu chí 2.5)**

- Yêu cầu tối thiểu 70% các tuyến đường trục xã, trục thôn đi qua khu dân cư phải có rãnh thoát nước. Tiết diện rãnh thoát nước có thể là hình thang, hình tam giác hoặc hình chữ U; kết cấu rãnh có thể bằng bê tông, gạch xây, đá xây hoặc rãnh đất nhưng phải đảm bảo khả năng thoát nước tốt.

- Rãnh thoát nước phải được bố trí ngoài phạm vi nền đường. Trường hợp địa hình chật hẹp, bố trí trong phạm vi nền, mặt đường phải làm rãnh kín, sức chịu tải của nắp rãnh, cửa rãnh phải tương ứng với tải trọng khai thác của tuyến đường.

- Đối với các đoạn tuyến đường trục xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn qua khu dân cư có nền đường đắp cao hoặc một bên đường là kênh, rạch, sông, suối... khả năng thoát nước nền, mặt đường tốt thì không phải làm rãnh.

#### **6. Tiêu chí: Tỷ lệ đường trục xã có trồng cây bóng mát (Tiêu chí 2.6)**

- Hai bên đường nên tiến hành trồng cây xanh để ổn định nền đường, tạo mỹ quan và bảo vệ môi trường, tăng cảm giác an toàn khi tham gia giao thông. Yêu cầu 100% các tuyến đường trục xã (trừ những đoạn tuyến không đủ điều kiện trồng cây xanh) phải trồng cây bóng mát, khoảng cách giữa các cây tùy loại cây nhưng đảm bảo có khả năng giao tán sau khi cây trưởng thành.

- Cây phải được trồng thẳng hàng, cách vai đường tối thiểu 1m đối với đoạn đường không đào, không đắp, cách chân mái taluy đắp tối thiểu 1,0m đối với đoạn có nền đường đắp. Trường hợp đoạn đường phải làm rãnh tiêu thoát nước, cây

được trồng cách mép ngoài rãnh thoát nước tối thiểu 1m.

- Tuyệt đối không được trồng cây trên lề đường hoặc mái taluy nền đường (nếu vi phạm sẽ đánh giá là không đạt chuẩn). Việc trồng cây bóng mát phải đảm bảo không ảnh hưởng đến hành lang lưới điện.

- Trường hợp đoạn tuyến trục xã qua khu dân cư vương nhà dân, công trình kiên cố, đoạn ngoài khu dân cư vương đất sản xuất; đoạn qua địa hình rừng núi đã có nhiều cây xanh bóng mát... thì không bắt buộc phải trồng cây.

### **III. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ PHỤC VỤ THẨM ĐỊNH**

- Yêu cầu chung: Hồ sơ tiêu chí Giao thông phải đảm bảo đầy đủ từng chỉ tiêu, nội dung, sắp xếp khoa học.

- Hồ sơ tiêu chí Giao thông gồm các loại chính như sau:

+ Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí giao thông của UBND xã (có các phụ lục 2.1a, 2.2a, 2.3a, 2.4a, 2.5a, 2.6a gửi kèm theo; có xác nhận của UBND cấp huyện).

+ Báo cáo kết quả thẩm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí giao thông của UBND cấp huyện.

- Các hồ sơ, tài liệu khác theo quy định.

**PHỤ LỤC 02****Hướng dẫn tiêu chí Giao thông trong Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025***(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SGTVT ngày 12/2022 của Sở GTVT)***I. YÊU CẦU TIÊU CHÍ**

Theo Phụ lục II kèm theo Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh, tiêu chí Giao thông thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2022-2025 quy định như sau:

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	Đường xã được bảo trì hàng năm đảm bảo đi lại thuận tiện, an toàn; đảm bảo vệ sinh mặt đường	Đạt
			Đường xã được lắp biển báo giao thông theo quy định; bố trí gờ giảm tốc tại các nhánh nút giao từ đường trục xã giao nhau với đường trục thôn trở lên	Đạt
			Tỷ lệ đường xã qua khu dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng	≥75%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản	2.2.1. Được cứng hóa (trong đó tối thiểu 80% được bê tông hóa, nhựa hóa đạt chuẩn) và bảo trì hàng năm	100%
			2.2.2. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt
			- Đường trục thôn, bản, liên thôn, bản đảm bảo vệ sinh mặt đường	Đạt
			- Đường trục thôn, bản, liên thôn, bản được lắp biển báo giao thông tại tất cả các điểm giao nhau của các đường giao thông từ đường trục thôn, bản trở lên; bố trí gờ giảm tốc tại các nhánh nút giao từ đường trục thôn, bản giao nhau với đường trục xã trở lên	Đạt
	- Tỷ lệ đường trục thôn, bản, liên thôn, bản qua khu dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng	≥75%		

		- Tỷ lệ đường trục thôn, bản, liên thôn, bản có trồng cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được)	$\geq 80\%$
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 90\%$
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	$\geq 80\%$

## II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

### 1. Về quy mô chiều rộng nền mặt đường

Quy mô nền mặt đường các tuyến đường xã, đường trục thôn, liên thôn, đường ngõ xóm, trục chính nội đồng phải đảm bảo quy mô tối thiểu để đạt chuẩn NTM như hướng dẫn tại Phụ lục 01.

### 2. Về tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa, cứng hóa các loại đường

- Đối với đường xã: **100% tuyến đường xã** nằm trong quy hoạch chung xây dựng xã **phải được nhựa hóa hoặc bê tông hóa** đạt chuẩn (theo như quy định đối với tiêu chí xã đạt chuẩn NTM).

- Đối với đường trục thôn, liên thôn: **Tối thiểu 80%** tuyến đường trục thôn, liên thôn nằm trong quy hoạch chung xây dựng xã **phải được nhựa hóa hoặc bê tông hóa** đảm bảo quy mô nền mặt đường tối thiểu  $B_{nền} = 5,0m$ ,  $B_{mặt} = 3,5m$  (cao hơn 10% so với tiêu chí xã đạt chuẩn NTM). Các tuyến đường trục thôn, liên thôn theo quy hoạch còn lại phải được cứng hóa (bằng cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi,... được lu lèn) với  $B_{nền} = 5,0m$ ,  $B_{mặt} = 3,5m$  đảm bảo cho phương tiện giao thông đi lại thuận lợi quanh năm.

- Đường ngõ xóm: **Tối thiểu 80%** tuyến đường ngõ xóm nằm trong quy hoạch chung xây dựng xã **phải được nhựa hóa hoặc bê tông hóa** đảm bảo quy mô nền mặt đường tối thiểu  $B_{nền} = 5,0m$ ,  $B_{mặt} = 3,0m$  (cao hơn 10% so với tiêu chí xã đạt chuẩn NTM). Các tuyến đường ngõ, xóm còn lại phải được cứng hóa với  $B_{mặt} = 5,0m$ ,  $B_{mặt} = 3,0m$  (bằng cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi, ... được lu lèn) đảm bảo cho phương tiện giao thông đi lại thuận lợi.

- Đường trục chính nội đồng: **Tối thiểu 80%** tuyến đường trục chính nội đồng nằm trong quy hoạch chung xây dựng xã **phải được cứng hóa** đảm bảo quy mô nền mặt đường tối thiểu  $B_{nền} = 5,0m$ ,  $B_{mặt} = 3,0m$ , xe cơ giới đi lại thuận lợi, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

### 3. Về quy định đường xã, đường trục thôn, liên thôn (đường GTNT) được bảo trì hằng năm đảm bảo đi lại thuận tiện, an toàn; đảm bảo vệ sinh mặt đường

- Tiêu chí này được đánh giá là đạt khi hệ thống đường trục xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn **phải được bảo trì thường xuyên nhằm duy trì chất lượng khai thác**, các vị trí, hạng mục công trình **hư hỏng phải được kiểm tra, duy tu, sửa chữa kịp thời** nhằm đảm bảo mặt đường luôn êm thuận, đi lại thuận tiện, an toàn; phạm vi mặt đường phải được vệ sinh sạch sẽ, không được phát sinh

bụi bẩn, đọng rác..., ảnh hưởng vệ sinh môi trường; **phải phát quang, giải tỏa** các chướng ngại vật dọc hành lang hai bên tuyến **đảm bảo không che khuất tầm nhìn xe chạy, biển báo giao thông**, nhất là các vị trí đường cong, các nút giao trong khu vực đông dân cư; phạm vi lề đường phải được dọn dẹp sạch sẽ, cắt tỉa cây cỏ gọn gàng, đảm bảo mỹ quan.

- **Công tác bảo trì** đường trục xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn bao gồm các công tác **bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất**. Công tác sửa chữa định kỳ là công tác sửa chữa hư hỏng theo thời hạn quy định, kết hợp khắc phục một số khuyết tật của tuyến đường xuất hiện trong quá trình khai thác, nhằm khôi phục tình trạng kỹ thuật ban đầu và cải thiện điều kiện khai thác của tuyến đường (nếu cần thiết).

+ *Bảo dưỡng thường xuyên*, là các thao tác kỹ thuật được tiến hành thường xuyên nhằm phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hư hỏng nhỏ của các bộ phận công trình và thiết bị. Bảo dưỡng thường xuyên để hạn chế tối đa sự phát triển từ hư hỏng nhỏ trở thành hư hỏng lớn. Các công việc này được thực hiện thường xuyên liên tục hàng ngày, trong suốt cả năm trên toàn bộ các tuyến đường nhằm theo dõi tình trạng các tuyến đường, đưa ra giải pháp ngăn chặn hư hỏng, sửa chữa kịp thời những hư hỏng nhỏ ảnh hưởng đến chất lượng tuyến đường để đảm bảo giao thông vận tải được an toàn, thông suốt và êm thuận.

+ *Sửa chữa vừa*, là sửa chữa những hư hỏng, khắc phục những biểu hiện xuống cấp của bộ phận, kết cấu công trình có thể ảnh hưởng đến chất lượng khai thác tuyến đường và gây mất an toàn khai thác.

+ *Sửa chữa lớn*, là công việc sửa chữa tiến hành khi có hư hỏng hoặc xuống cấp ở nhiều bộ phận công trình nhằm khôi phục chất lượng ban đầu của công trình.

+ *Sửa chữa đột xuất*, là công việc sửa chữa công trình chịu các tác động đột xuất như gió bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy hoặc những tác động đột xuất khác đã dẫn tới những hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa kịp thời để đảm bảo giao thông liên tục.

- Việc bảo trì đường GTNT nói riêng và đường bộ nói chung về nguyên tắc được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; việc xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng hướng dẫn tại Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021, Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021. Ngoài ra việc tuân thủ các quy định nêu trên, công tác bảo trì còn được thực hiện theo quy định do Bộ GTVT ban hành bao gồm: Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021; Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường GTNT, Thông tư



số 32/2014/TT- BGTVT ngày 08/8/2014 hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác đường GTNT; Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 về định mức bảo trì công trình đường bộ. Ngoài các nội dung trên, đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên có thể tham khảo Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 07:2013/TCĐBVN tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng công trình đường bộ để thực hiện.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn tại địa phương, để thực hiện công tác bảo trì đường GTNT, UBND cấp xã có thể xây dựng và ban hành chế độ quản lý đường GTNT trên địa bàn xã (**phải có quyết định ban hành quy chế của UBND cấp xã**), trong đó giao cho các chủ thể (Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Ban cán sự các thôn,...) để trực tiếp quản lý, kiểm tra, theo dõi các tuyến đường GTNT trên địa bàn xã quản lý.

Nội dung quản lý, kiểm tra, theo dõi và xử lý khi tuân tra tình trạng đường bao gồm:

(1) Kiểm tra, theo dõi, phát hiện tình trạng bất thường, sự cố công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến ATGT, tai nạn giao thông (nếu có);

(2) Kiểm tra thường xuyên để phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình. Trường hợp đủ điều kiện sửa chữa, thì phải tiến hành sửa chữa ngay các hư hỏng ảnh hưởng đến ATGT. Trường hợp chưa đủ điều kiện sửa chữa phải kịp thời báo cáo UBND cấp xã để xử lý.

Tần suất kiểm tra, theo dõi tình trạng đường như sau: *Đối với phân đường thông thường tần suất kiểm tra không ít hơn 01 lần/tuần; tại các đường tràn trong các ngày bão, lũ, lụt, nước dâng vượt cao độ cho phép khai thác phải cử người trực gác 24/24 giờ; không ít hơn 01 lần/ngày đối với các vị trí tiềm ẩn nguy cơ sạt lở trong mùa mưa bão.*

#### **4. Về quy định bố trí biển báo giao thông, gờ giảm tốc**

##### **4.1. Về biển báo giao thông:**

a) Hướng dẫn chung:

- Đường xã, đường trục thôn, liên thôn khi xây dựng và trong quá trình khai thác phải được cắm các loại biển báo hiệu đường bộ theo quy định tại QCVN 41:2019/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ”.

- Tại các vị trí nút giao đường trục thôn, liên thôn giao với đường trục thôn, liên thôn trở lên (giao đường xã, đường huyện, đường tỉnh, đường quốc lộ) hoặc tại các vị trí nguy hiểm, tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT, UBND cấp xã có trách nhiệm rà soát để bổ sung biển báo hiệu giao thông đầy đủ theo quy chuẩn nhằm đảm bảo ATGT, an toàn công trình trong quá trình khai thác. Đối với trường hợp nút giao đường trục thôn, liên thôn hoặc đường xã giao đường huyện trở lên UBND xã có trách nhiệm rà soát để bổ sung biển báo còn thiếu trên đường xã, đường trục thôn, liên thôn; đối với biển báo trên đường cấp cao hơn (đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ), UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ cấp cao hơn để đề nghị bổ sung biển báo giao nhau với đường không ưu tiên và các biển báo cần thiết khác trên các tuyến đường cấp cao hơn (nếu còn thiếu) nhằm đảm bảo cho các phương tiện lưu thông an toàn khi tham gia giao thông trên địa bàn xã.

- Một số trường hợp thường gặp phải tổ chức cấm biển báo hiệu giao thông như sau:

(1) Các vị trí nút giao của các đường giao thông từ đường trục thôn, liên thôn giao đường trục thôn, liên thôn trở lên nằm trên địa bàn xã phải bố trí đầy đủ biển báo hiệu đường bộ, cụ thể:

+ Nút giao giữa đường trục thôn, liên thôn với đường trục thôn, liên thôn (giao nhau với đường cùng cấp): Trong trường hợp này cần bố trí biển chỉ dẫn tên đường trên các nhánh của nút giao nhau; khuyến khích bố trí biển báo “Đường giao nhau” Biển W.205 (a, b, c, d, e).

+ Nút giao giữa trục thôn, liên thôn với đường xã (giao nhau với đường ưu tiên): Bố trí biển báo “Giao nhau với đường không ưu tiên” Biển W.207 (a, b, c, d, e, f, g, h, i, k, l) trên đường trục xã; bố trí biển báo “Giao nhau với đường ưu tiên” Biển W.208 trên đường trục thôn, liên thôn và bố trí biển chỉ dẫn tên đường trên các nhánh của nút giao nhau.

+ Nút giao giữa đường xã với đường xã (giao nhau với đường cùng cấp): Bố trí biển báo “Đường giao nhau” Biển W.205 (a, b, c, d, e) trên các nhánh của nút giao cùng cấp và bố trí biển chỉ dẫn tên đường trên các nhánh của nút giao nhau.

+ Nút giao giữa đường trục thôn, liên thôn hoặc đường xã với đường cấp cao hơn (giao nhau với đường ưu tiên): Bố trí biển báo “Giao nhau với đường ưu tiên” W.208 trên đường trục thôn, liên thôn hoặc đường trục xã; bố trí biển báo “Giao nhau với đường không ưu tiên” Biển W.207 (a, b, c, d, e, f, g, h, i, k, l) trên đường cấp cao hơn (đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ) và bố trí biển chỉ dẫn tên đường trên các nhánh của nút giao nhau.

(2) Tại vị trí đường xã gần đến đoạn thường có trẻ em đi ngang qua như trường học phải cấm biển “Trẻ em” Biển W.225.

(3) Đường xã đi qua các khu vực sát sông, hồ hoặc vực sâu phải cấm biển “Kè, vực sâu phía trước” Biển W.215.

(4) Tại các vị trí tuyến đường xã, đường trục thôn có quy mô chiều rộng mặt đường 2 làn xe trở lên, nếu bố trí đường cong bán kính nhỏ, tầm nhìn hạn chế sau một đoạn cánh tuyến thẳng, dài phải bố trí biển “Chỗ ngoặt nguy hiểm” Biển W.201a, W.201b.

(4) Cấm biển “Hạn chế trọng lượng xe” Biển P.115; trường hợp có quy định hạn chế trọng lượng trên trục xe thì cấm biển “Hạn chế trọng lượng trên trục xe” Biển P.116.

(5) Trường hợp có quy định cấm đối với loại xe nào thì cấm biển cấm đối với loại xe đó (Ví dụ đoạn đường cần cấm tất cả các loại ô tô tải từ 1,5 T trở lên thì cấm biển “Cấm ô tô tải” Biển P.106a);

b) Về vị trí đặt biển, quy cách biển báo, cột biển báo, móng cột biển báo, quản lý bảo dưỡng biển báo:

*b.1) Vị trí đặt biển báo theo chiều dọc và ngang đường:* theo Điều 20, Điều 21, Điều 34 của QCVN 41:2019/BGTVT, một số nội dung lưu ý:

- Biển báo hiệu đặt ở vị trí để người tham gia giao thông dễ nhìn thấy và có đủ thời gian để chuẩn bị đề phòng, thay đổi tốc độ hoặc thay đổi hướng nhưng không được làm cản trở tầm nhìn và sự đi lại của người tham gia giao thông.

- Biển được đặt thẳng đứng, mặt biển quay về hướng đối diện chiều đi; Biển được **đặt về phía tay phải** hoặc phía trên phần đường xe chạy (trừ các trường hợp đặc biệt). Ngoài ra, tùy từng trường hợp, có thể đặt bổ sung biển báo ở bên trái theo chiều đi.

- Trường hợp biển báo đặt trên cột (có thể đặt trên trụ chiếu sáng, trụ điện) thì **khoảng cách mép ngoài của biển theo phương ngang đường cách mép phần đường xe chạy tối thiểu là 0,5m và tối đa là 1,7m**. Trường hợp không có lề đường, hè đường, khuất tầm nhìn hoặc các trường hợp đặc biệt khác được phép điều chỉnh theo phương ngang nhưng mép biển phía phần xe chạy không được chồm lên mép phần đường xe chạy và cách mép phần đường xe chạy không quá 3,5m.

- Biển báo nguy hiểm và cảnh báo được đặt trước nơi định báo một khoảng cách phù hợp với phương tiện tham gia giao thông và thực tế hiện trường đảm bảo dễ quan sát, không ảnh hưởng tới tầm nhìn; khoảng cách từ biển đến nơi định báo nên thống nhất trên cả đoạn đường có tốc độ trung bình xe như nhau.

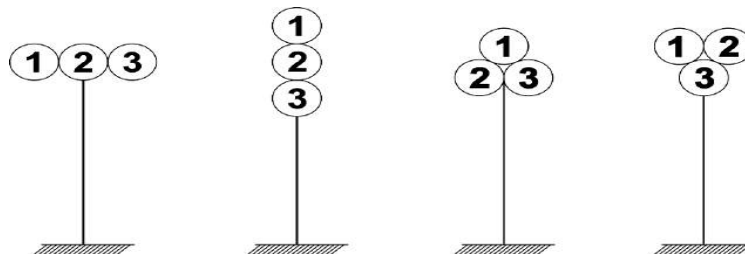
- Cần hạn chế sử dụng biển báo nguy hiểm và cảnh báo tràn lan nếu các tính chất không thực sự gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông.

b.2) Về độ cao đặt biển và ghép biển: theo Điều 22 của QCVN 41:2019/BGTVT, một số nội dung lưu ý:

- Biển báo được đặt chắc chắn cố định trên cột. Trong một số trường hợp có thể cho phép kết hợp đặt biển trên cột điện, cây cối hoặc những vật kiến trúc nhưng phải dễ quan sát và đảm bảo thẩm mỹ.

- Trường hợp biển báo đặt trên cột: **độ cao đặt biển tính từ mép dưới của biển đến mặt đường là 1,8m** đối với đường ngoài **khu đông dân cư** và **2,0m** đối với đường trong khu đông dân cư, theo phương thẳng đứng. Trường hợp đặc biệt có thể thay đổi cho phù hợp nhưng không nhỏ hơn 1,2m, không quá 5,0m.

- Nếu có nhiều biển cần đặt cùng một vị trí, cho phép đặt kết hợp trên cùng một cột nhưng không quá 3 biển và theo thứ tự ưu tiên như sau: biển báo cấm, biển hiệu lệnh, biển báo nguy hiểm hoặc cảnh báo, biển chỉ dẫn.



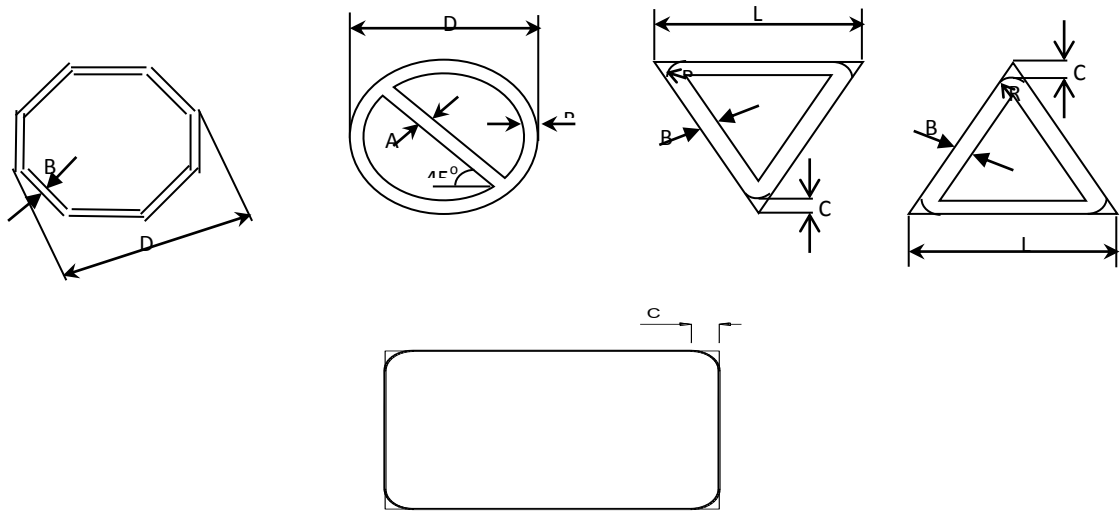
**Ghi chú: con số ghi trên hình biểu thị thứ tự ưu tiên**

b.3) Quy cách biển báo:

- *Biển báo giao nhau:*

+ Thuộc nhóm biển báo nguy hiểm và cảnh báo, biển có hình tam giác đều, viền đỏ, nền màu vàng, trên có hình vẽ màu đen mô tả sự việc cần báo hiệu.

+ Kích thước, hình dạng và màu sắc của biển báo giao nhau quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 33 theo QCVN 41:2019/BGTVT, cụ thể như sau:



Kích thước các loại biển báo

Loại biển	Kích thước	Độ lớn (trường hợp hệ số 1)
Biển tròn	Đường kính ngoài của biển báo, D	70
	Chiều rộng của mép viền đỏ, B	10
	Chiều rộng của vạch đỏ, A	5
Biển bát giác	Đường kính ngoài biển báo, D	60
	Độ rộng viền trắng xung quanh, B	3
Biển tam giác	Chiều dài cạnh của hình tam giác, L	70
	Chiều rộng của viền mép đỏ, B	5
	Bán kính lượn tròn của viền mép đỏ, R	3,5
	Khoảng cách đỉnh cung tròn đến đỉnh tam giác cơ bản, C	3
Biển vuông, chữ nhật	Khoảng cách đỉnh cung tròn đến đỉnh chữ nhật cơ bản, C	2-3

Tùy theo quy mô và điều kiện khai thác, từng địa phương có thể **vận dụng hệ số 0,75** để giảm nhỏ kích thước của biển (theo Khoản 4 Điều 16), trường hợp đặc biệt (trong biển ghép, đường hẹp không đủ khoảng cách đặt biển theo chiều ngang) có thể **sử dụng hệ số 0,5** (theo Khoản 5 Điều 16), nhưng phải đảm bảo tính đồng bộ của cả khu vực.

- *Biển chỉ dẫn tên đường:*

+ Bố trí biển báo tên đường đảm bảo thuận lợi cho công tác kiểm tra, quản lý các tuyến đường; tìm kiếm dễ dàng, chính xác các địa chỉ tại các địa phương và đảm bảo mỹ quan nông thôn mới.

+ Kích thước: Hình chữ nhật 50cm x 35cm. Kích thước biển có thể lớn hơn (tối đa 75cm x 40cm), nhưng phải đảm bảo thống nhất kích thước biển trong cùng một địa phương.

+ Màu sắc: Xanh lam sẫm; đường viền trắng rộng 0,5cm cách mép ngoài của biển từ 3cm đến 3,5cm, bốn góc đường viền uốn cong đều vào bên trong.

+ Chất liệu: Sắt mạ kẽm hoặc nhôm lá dập, sơn chất liệu phản quang.

+ Chữ viết trên biển: Kiểu chữ in hoa không có chân, màu trắng; từ "ĐƯỜNG" có cỡ chữ nhỏ hơn từ tên đường; từ "ĐƯỜNG" và từ tên đường có thể ở trên cùng một dòng hoặc hai dòng riêng biệt. Chiều cao chữ được lựa chọn căn cứ trên tốc độ xe chạy sao cho người tham gia giao thông có thể đọc được rõ ràng cả ban ngày và ban đêm; **chiều cao chữ tối thiểu trên các biển chỉ dẫn là 100mm.**

+ Tên đường: Ghi tên đường theo quy hoạch (Ví dụ: TX.01; TT.05...) hoặc có thể ghi tên địa danh; tên di tích lịch sử - văn hóa - danh lam thắng cảnh; tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng tiêu biểu; tên danh nhân.

- *Phản quang trên biển báo*: Các loại biển báo hiệu đường bộ phải được dán màng phản quang đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật để thấy rõ cả ban ngày và ban đêm.

b.4) *Cột biển báo*: Bằng thép hoặc bằng vật liệu khác có độ cứng tương đương, **đường kính tối thiểu 8cm**; cột phải được gắn màng phản quang.

b.5) *Móng cột biển báo*: Tùy thuộc vào kích thước cột đỡ biển báo để thi công móng cột đỡ biển báo cho phù hợp. Thông thường móng bằng bê tông xi măng M150 có kích thước 40x40x60cm.

b.6) *Quản lý, bảo dưỡng*: Biển báo phải được giao cho các thôn, xóm để quản lý, bảo dưỡng. Không được để cột biển báo xiêu vẹo, biển báo cong vênh, mặt biển báo bị mờ, bong tróc; định kỳ lau chùi, vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo mỹ quan.

#### 4.2. Về gờ giảm tốc:

- Gờ giảm tốc được bố trí trước hoặc trong tại vị trí các nhánh **nút giao từ đường xã (trục xã, liên xã) giao nhau với đường trục thôn trở lên (đường xã giao trục thôn, đường xã giao đường xã, đường xã giao đường huyện, đường xã giao đường tỉnh)**. Ngoài ra cần xem xét bố trí gờ giảm tốc tại các vị trí **nút giao đường ngõ xóm giao với các đường cấp cao hơn đối với những nút giao có lưu lượng giao thông lớn, tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT**; những đoạn đường có tầm quan sát bị hạn chế, các vị trí nút giao, đường cong nguy hiểm hoặc các đoạn đường có điều kiện bất lợi tiềm ẩn nguy cơ xảy ra mất an toàn giao thông khác. **UBND cấp xã có trách nhiệm bố trí gờ giảm tốc trên đường xã, đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm (nếu cần thiết)**; đối với các nút giao giữa đường trục thôn, liên thôn hoặc đường xã với đường huyện trở lên, UBND xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ để bố trí gờ giảm tốc trên đường cấp cao hơn (đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ).

- Chỉ bố trí gờ giảm tốc trên mặt đường bê tông nhựa, bê tông xi măng hoặc mặt đường láng nhựa, thâm nhập nhựa còn tốt, bề rộng mặt đường từ 2,5m trở lên. Trường hợp bề rộng mặt đường nhỏ hơn 2,5m, tùy theo mức độ cần thiết có thể vận dụng cho phù hợp. Vật liệu làm gờ giảm tốc thường là sơn nhiệt dẻo theo TCVN 8791:2011.

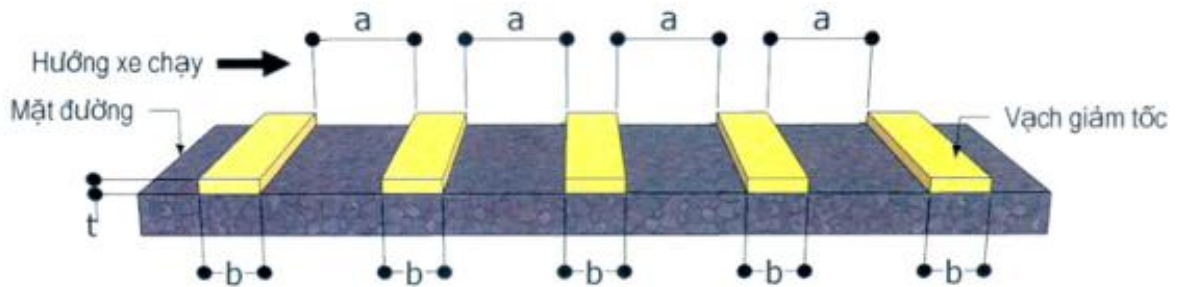
- Theo chiều dọc đường, gờ giảm tốc được bố trí dạng cụm (vuông góc với tim đường trước vị trí cần giảm tốc độ). Tùy theo điều kiện thực tế mà bố trí số cụm gờ giảm tốc **từ 1 đến 3 cụm** hoặc nhiều hơn, trường hợp đoạn đường ngắn có

thể bố trí số gờ, số cụm ít hơn cho phù hợp. Số lượng gờ giảm tốc tại mỗi cụm thường từ 5 đến 7 gờ và tăng dần theo chiều hướng vào khu vực cần giảm tốc độ.

- Đối với đường có chiều rộng mặt đường từ 2 làn xe trở lên (tối thiểu trở lên ( $B_{\text{mặt}} \geq 5,5\text{m}$ ), theo chiều ngang đường, gờ giảm tốc được bố trí trên làn đường hoặc phần đường cần giảm tốc độ; trường hợp bố trí gờ giảm tốc trên toàn bộ bề rộng mặt đường của đường hai chiều thì gờ giảm tốc trên chiều đường ngược lại chỉ mang tính chất cảnh báo và chiều dày gờ giảm tốc trên chiều đường ngược lại có thể sơn dày 2mm.

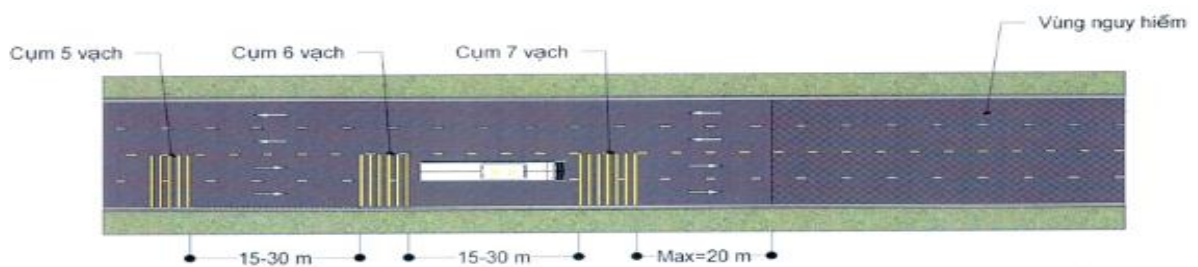
- Để bảo đảm hiệu quả cảnh báo của gờ giảm tốc đối với người điều khiển phương tiện, khoảng cách từ cụm gờ cuối cùng tới điểm cần cảnh báo tối đa là 20m.

- Kích thước hình học, cấu tạo, vị trí sơn tham khảo TCCS 34:2020/TCĐBVN “Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ, yêu cầu thiết kế”, cụ thể quy cách gờ giảm tốc bố trí theo dạng cụm như hình dưới đây:

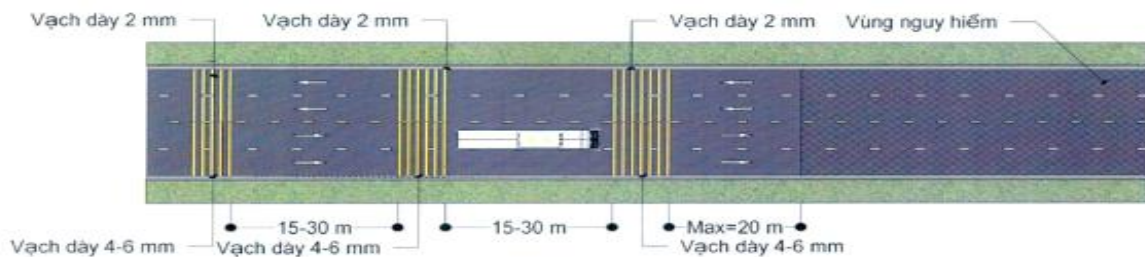


### Quy cách bố trí gờ giảm tốc dạng cụm

**Chú dẫn:** *a* - Khoảng cách giữa 2 mép gờ giảm tốc cạnh nhau ( $a = 400\text{mm}$ ); *b* - Bề rộng gờ giảm tốc ( $b = 200\div 600\text{ mm}$ ); *t* - Chiều dày gờ giảm tốc ( $t = 4\div 6\text{mm}$ ); Lựa chọn giá trị nhỏ đối với các cụm gờ bắt đầu cảnh báo hoặc chiều lên dốc ( $i_{\text{max}} \geq 4\%$ ) hoặc gần các vị trí trường học, bệnh viện; giá trị lớn đối với các cụm gờ đến gần vị trí cần giảm tốc độ hoặc trên chiều xuống dốc; trường hợp đường lên dốc với độ dốc  $> 6\%$  có thể sử dụng gờ dày 2÷3mm.



### Gờ giảm tốc bố trí theo cụm trên một chiều đường đối với đường không có dải phân cách giữa



### Gờ giảm tốc bố trí theo cụm trên toàn bộ bề rộng mặt đường đối với đường không có dải phân cách giữa

## **5. Về quy định đường xã, đường trục thôn, liên thôn qua khu dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng**

- Yêu cầu có tối thiểu 75% tỷ lệ đường trục xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn qua dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng; khuyến khích bố trí hệ thống đèn điện chiếu sáng trên các tuyến đường ngõ xóm qua khu dân cư.

- Hệ thống điện chiếu sáng gồm tủ điều khiển, cột, dây dẫn và bóng đèn được tổ chức, xây dựng thành hệ thống đảm bảo chức năng chiếu sáng theo quy định tại TCXDVN 259:2001; đảm bảo mỹ quan, an toàn, hiệu quả trong quá trình vận hành khai thác và sửa chữa, cụ thể:

- Tủ điều khiển: Đảm bảo chức năng đóng, cắt hệ thống điện chiếu sáng.

- Dây dẫn: Dây dẫn hệ thống điện chiếu sáng phải dùng loại dây dẫn bọc cách điện, tiết diện lõi dây phải phù hợp với công suất sử dụng nhưng tối thiểu không nhỏ hơn  $2,5\text{mm}^2$ .

- Về cột điện:

+ Cấu tạo cột: Có thể dùng cột kim loại, cột bê tông cốt thép nhưng phải đảm bảo khả năng chịu lực, an toàn, đảm bảo tĩnh không khi đường dây vượt qua đường giao thông (tại vị trí dây có độ võng lớn nhất cách mặt đường tối thiểu 5,0m); cột có chiều cao sao cho chiều cao treo đèn tối thiểu 6m đối với đường xã và 5m đối với đường trục thôn; có độ vươn cần treo đèn là 1,5m đối với đường xã và 1,0m đối với đường trục thôn.

+ Vị trí cột: Cột phải được bố trí tránh khu vực bị xói lở; không ảnh hưởng đến lối ra vào của nhà ở, cơ quan, trường học...; cột được trồng chắc chắn, song song với tim đường, đảm bảo khoảng cách tối thiểu tính từ mép trong của cột đến mép ngoài của mặt đường không nhỏ hơn 1,0 mét, đảm bảo tầm nhìn xe chạy, an toàn giao thông; không ảnh hưởng đến kết cấu công trình hiện hữu (công trình giao thông, dân dụng, thủy lợi ...); khoảng cách giữa các cột khoảng 30m, bóng đèn không bị che khuất bởi cây cối, vật kiến trúc. Trường hợp nếu hệ thống cột đường dây hạ áp, cột viễn thông... sẵn có đảm bảo các điều kiện nêu trên có thể kết hợp làm cột hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo tiết kiệm diện tích, kinh phí xây dựng, mỹ quan nông thôn.

- Về bóng đèn: Sử dụng bóng đèn có công suất phù hợp, bảo đảm các chức năng về chiếu sáng, dẫn hướng cho các đối tượng tham gia giao thông hoạt động an toàn về ban đêm (bóng đèn compact khoảng 50W đối với đường trục xã, liên xã và khoảng 35W đối với đường trục thôn, liên thôn hoặc loại bóng khác có độ chiếu sáng tương đương); bóng phải được lắp trong chóa (hoặc chụp) đèn để tăng hiệu quả chiếu sáng và bảo vệ trong điều kiện làm việc ngoài trời. Ưu tiên sử dụng loại bóng tiết kiệm năng lượng, bóng sử dụng năng lượng mặt trời nhưng vẫn đủ cường độ chiếu sáng.

- Quản lý, vận hành, sửa chữa: Hệ thống điện chiếu sáng do xã chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, sửa chữa đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Các nội dung khác phù hợp với các quy định của pháp luật về điện lực.

## **6. Về tỷ lệ đường trục thôn, liên thôn có trồng cây bóng mát**

- Về quy định cây xanh hai đường xã: theo hướng dẫn tại mục I-2.6 ở phần trên.

- Đối với đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm: Yêu cầu tối thiểu 80% các tuyến đường trục thôn, liên thôn (trừ những đoạn tuyến không đủ điều kiện trồng cây xanh) phải trồng cây xanh bóng mát, khoảng cách giữa các cây tùy loại cây nhưng đảm bảo có khả năng giao tán sau khi cây trưởng thành. Khuyến khích trồng cây xanh trên các tuyến ngõ xóm đối với những tuyến có hành lang đường bộ rộng, đủ điều kiện để trồng cây xanh.

- Cây phải được trồng thẳng hàng, cách vai đường tối thiểu 1m đối với đoạn đường không đào, không đắp, cách chân mái taluy đắp tối thiểu 1,0m đối với đoạn có nền đường đắp. Trường hợp đoạn đường phải làm rãnh tiêu thoát nước, cây được trồng cách mép ngoài rãnh thoát nước tối thiểu 1m; không được trồng cây trên lề đường hoặc mái taluy nền đường (nếu vi phạm sẽ đánh giá là không đạt chuẩn). Việc trồng cây bóng mát phải đảm bảo không vi phạm khoảng cách an toàn đối với đường dây dẫn điện trên không, trạm điện.

- Trường hợp đoạn tuyến trục thôn, liên thôn qua khu dân cư vướng nhà dân, công trình kiên cố, đoạn ngoài khu dân cư vướng đất sản xuất; đoạn qua địa hình rừng núi đã có nhiều cây xanh bóng mát... thì không bắt buộc phải trồng cây xanh bóng mát.

## **III. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ PHỤC VỤ THẨM ĐỊNH**

- Yêu cầu chung: Hồ sơ tiêu chí phải đảm bảo đầy đủ từng chỉ tiêu, nội dung, sắp xếp khoa học.

- Nội dung hồ sơ tiêu chí bao gồm các loại chính như sau:

+ Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí giao thông theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao của UBND xã gồm phần thuyết minh và các phụ biểu theo các phụ lục 2.1b, 2.2b, 2.3b, 2.4b, 2.5b, 2.6b, 2.7b gửi kèm theo có xác nhận của UBND cấp huyện. Lưu ý đối với các xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn trước phải rà soát, đánh giá lại và có báo cáo tiêu chí Giao thông theo Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2022-2025.

+ Báo cáo kết quả thẩm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí giao thông theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao của UBND cấp huyện.

- Quyết định ban hành quy chế quản lý đường giao thông trên địa bàn xã; biên bản bàn giao các tuyến đường cho các chủ thể quản lý (nếu có)...

- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan theo quy định.



## PHỤ LỤC 03

### Hướng dẫn tiêu chí Giao thông trong Bộ tiêu chí huyện NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025

(Kèm theo Hướng dẫn số           /HD-SGTVT ngày            12/2022 của Sở GTVT)

#### I. YÊU CẦU TIÊU CHÍ

Theo Phụ lục I kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh, tiêu chí Giao thông thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM giai đoạn 2022-2025 quy định như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	≥50%
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt

#### II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

**1. Đối với chỉ tiêu 2.1 (Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm) được đánh giá là “Đạt” khi đáp ứng các yêu cầu sau:**

- Có 100% số xã trên địa bàn huyện có đường ô tô kết nối với đường huyện và các trung tâm hành chính, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%;

- 100% đường huyện được bảo trì hàng năm, yêu cầu cụ thể như sau:

+ Nền đường, lề đường phải luôn đảm bảo kích thước hình học, không bị sạt lở, thoát nước tốt. Cây, cỏ phải được phát quang đảm bảo tầm nhìn, không che khuất hệ thống báo hiệu đường bộ và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của đường.

+ Mặt đường không bị đọng nước, không có hư hỏng như ổ gà, lún lõm, lún vệt bánh xe, sinh lún...Mặt đường được vệ sinh sạch sẽ, không có rác và các chướng ngại vật.

+ Hệ thống cầu, cống: Mặt cầu, cống phải sạch sẽ, không bị đọng nước. Các bộ phận kết cấu của cầu, cống không bị hư hỏng, đảm bảo tình trạng hoạt động.

+ Hành lang an toàn đường bộ và ATGT: Lòng, lề đường thông thoáng. Phạm vi hành lang của đường bộ không có vật liệu chất đống, không bị lấn chiếm.

+ Xây dựng được hệ thống mốc hành lang đường bộ phục vụ công tác quản lý hành lang, đảm bảo an toàn giao thông.

+ Hệ thống biển báo hiệu đường bộ phải đầy đủ, đúng quy định, ngay thẳng, rõ ràng, sạch sẽ, đảm bảo mỹ quan.

**2. Đối với chỉ tiêu 2.2 (Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch) được đánh giá là “Đạt” khi đáp ứng các yêu cầu sau:**

- Có 100% đường huyện được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp với cấp đường phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt;
- Có 100% đường huyện đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 4054: 2005 Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế, tối thiểu phải đạt từ cấp V trở lên;
- Có 100% đường huyện có hệ thống cầu, cống được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

**3. Đối với chỉ tiêu 2.3 (Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường) được đánh giá là “Đạt” khi đáp ứng các yêu cầu sau:**

- Tối thiểu 50% các tuyến đường huyện theo quản lý phải trồng cây xanh bóng mát, khoảng cách giữa các cây tùy loại cây nhưng đảm bảo có khả năng giao tán sau khi cây trưởng thành.
- Cây phải được trồng thẳng hàng, trồng cách vai đường tối thiểu 1m đối với đoạn đường không đào, không đắp, cách chân mái taluy đắp tối thiểu 1,0m đối với đoạn có nền đường đắp. Trường hợp đoạn đường phải làm rãnh tiêu thoát nước, cây được trồng cách mép ngoài rãnh thoát nước tối thiểu 1m; không được trồng cây trên lề đường hoặc mái taluy nền đường.

**4. Đối với chỉ tiêu 2.4 (Bến xe khách tại trung tâm huyện...) được đánh giá là “Đạt” khi đáp ứng các yêu cầu sau:**

Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) phải đáp ứng tiêu chí tối thiểu bến xe loại 4 và được công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách (QCVN 45:2012/BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ GTVT được sửa đổi lần 1 năm 2015 (Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ GTVT.

### **III. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ PHỤC VỤ THẨM ĐỊNH**

- Quy hoạch của huyện đã được phê duyệt.
- Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí tại các xã: rà soát, tổng hợp tình hình đạt chuẩn các tiêu chí giao thông đến thời điểm hiện tại.
- Kết quả thực hiện các tiêu chí cấp huyện: Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí theo Phụ lục I kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh (gồm cả đường bộ, đường thủy, bến xe... và các loại hình vận tải khác nếu có theo quy hoạch).
- Các phụ lục số liệu đính kèm để minh chứng (Bảng tổng hợp số liệu hiện trạng các tuyến đường huyện, hệ thống cầu, cống trên đường huyện, chiều dài đường huyện được trồng cây xanh, bến xe...).
- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan theo quy định.

## PHỤ LỤC 04

### Hướng dẫn tiêu chí Giao thông trong Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SGTVT ngày /12/2022 của Sở GTVT)

#### I. YÊU CẦU TIÊU CHÍ

Theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh, tiêu chí Giao thông thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao giai đoạn 2022-2025 quy định như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%
		2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	Đạt

#### II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

**1. Đối với chỉ tiêu 2.1 (Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối...) được đánh giá là “Đạt” khi đáp ứng các yêu cầu sau:**

- Có 100% các xã, các vùng liền kề có hệ thống đường huyện, đường xã kết nối các trung tâm hành chính, liên vùng, vùng nguyên liệu tập trung với nhau, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; tỷ lệ mặt đường huyện, đường xã kết nối được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%;

- Có 100% đường huyện qua khu vực đô thị đáp ứng tiêu chuẩn đường đô thị.

**2. Đối với chỉ tiêu 2.2 (Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định...) được đánh giá là “Đạt” khi đáp ứng các yêu cầu sau:**

- Có 100% đường huyện được bảo trì hàng năm; được bố trí đầy đủ hệ thống công trình ATGT (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...) theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Có 100% các tuyến đường huyện theo quản lý phải trồng cây xanh bóng mát, khoảng cách giữa các cây tùy loại cây nhưng đảm bảo có khả năng giao tán

sau khi cây trưởng thành. Quy cách trồng cây xanh tham khảo hướng dẫn tại mục II-3 phần III.

- Có 100% đường huyện đoạn qua khu vực dân cư phải có điện chiếu sáng, đảm bảo ATGT cho các phương tiện lưu thông về đêm và đảm bảo an ninh trật tự.

**3. Đối với chỉ tiêu 2.3 (Bến xe khách tại trung tâm huyện...) được đánh giá là “Đạt” khi đáp ứng các yêu cầu**

- Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) phải đáp ứng tiêu chí tối thiểu bến xe loại 3 và được công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách (QCVN 45:2012/BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ GTVT được sửa đổi lần 1 năm 2015 (Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ GTVT.

### **III. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ PHỤC VỤ THẨM ĐỊNH**

- Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí tại các xã: rà soát, tổng hợp tình hình đạt chuẩn các tiêu chí giao thông đến thời điểm hiện tại.

- Kết quả thực hiện các tiêu chí giao thông nâng cao cấp huyện: Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh (gồm cả đường bộ, đường thủy, bến xe... và các loại hình vận tải khác nếu có theo quy hoạch).

- Các phụ lục số liệu đính kèm để minh chứng (Bảng tổng hợp số liệu hiện trạng các tuyến đường huyện, hệ thống cầu, cống trên đường huyện, chiều dài đường huyện được trồng cây xanh, bến xe...).

- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan theo quy định.